

NHỮNG QUAN ĐIỂM LỚN TRONG VĂN XUÔI TÀN ĐÀ

NGUYỄN HƯƠNG NGỌC

Email: nhngoc52@gmail.com

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

MAIN TOPICS IN TAN DA'S PROSE

TÓM TẮT

Tản Đà là một trong những cây bút quan trọng góp một phần công sức không nhỏ cho văn học Việt Nam hiện đại phát triển. Trong sự nghiệp của mình, bên cạnh các tác phẩm thơ ca, ông sáng tác nhiều tác phẩm văn xuôi đặc sắc. Những quan điểm về văn chương và đạo đức của ông được thể hiện rất rõ trong các sáng tác này. Bài viết sẽ tập trung phân tích hai quan điểm lớn đó để thấy được những bước tiến và cả những hạn chế của Tản Đà trên con đường cách tân văn học.

Từ khóa: Tản Đà, Văn học Việt Nam hiện đại, Văn học Việt Nam thế kỷ XX

ABSTRACT

Tan Da is one of the important writers contributed to the development of the Vietnamese modern literature. In his career, he wrote many outstanding prose besides poems. His point of view on literature and morality were clearly clarified in his prose. This paper will analyse those two main topics in order to examine his pros and con in the renew period.

Keywords: Tan Da, Vietnamese modern literature, Vietnamese 20th century literature

Trong bước chuyển vào giai đoạn hiện đại hóa, văn học Việt Nam đã trải qua một mốc lịch sử hết sức đặc biệt mang ý nghĩa bản lề là giai đoạn giao thời (những năm đầu của thế kỉ XX). Trong khoảng thời gian ấy, nền văn học Việt Nam đã dần dần vận động, chuyển mình để có những thay đổi quan trọng từng bước chuyển từ giai đoạn trung đại sang hiện đại, hoà vào quỹ đạo chung của tiến trình văn học nhân loại. Tản Đà là một đại diện tiêu biểu của thời điểm lịch sử đặc biệt đó. Chính Ngô Tất Tố, khi xác định vị trí của Tản Đà trong nền văn học đã phát biểu rằng “Trong cái trang thi sĩ của cuốn Việt Nam văn học sử này, dầu sao mặc lòng, ông Tản Đà vẫn là một người đứng đầu của thời đại này.” (Nguyễn Khắc Xương, 1997: 20). Ông là nhân vật có một không hai, được coi là dấu nối giữa văn học trung đại và văn học hiện đại.

Tản Đà vẫn luôn là một hiện tượng văn học phức tạp, khó để hiểu và lý giải tường tận đối với các nhà nghiên cứu. Khi viết Các nhà thơ cổ điển Việt Nam, Xuân Diệu đã gọi Tản Đà là “hiện tượng bản lĩnh Tản Đà” (Xuân Diệu, 1998: 754) và cho rằng đây là hiện tượng nhà thơ “quá cố khó nhất so với 8¹ tác giả trước

kia” (Xuân Diệu, 1998: 755). Đây là điều mà sau này, Nguyễn Đình Chú cũng đồng điệu với Xuân Diệu khi nói “dù mình rất yêu Tản Đà, nhưng với Tản Đà mình vẫn khó tiếp cận, khó nắm bắt quá. Tôi có tâm trạng vừa tin vừa không tin vào những điều mình đã viết về Tản Đà. Tôi cứ ngỡ ngợ, không chừng mình là tri kỷ gương của Tản Đà” (Nguyễn Đình Chú, 2012: 841). Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình, Tản Đà đã để lại cho đời rất nhiều những tác phẩm hay ở nhiều thể loại khác nhau. Bên cạnh thơ ca, ông cũng sáng văn xuôi và đạt được những thành tựu nhất định. Trong bài Tản Đà - nhà văn hoá tiền đạo, Tầm Dương cho rằng Tản Đà là “cây bút khai sơn phá thạch” trong văn xuôi chữ quốc ngữ” (Tầm Dương, 1964: 302), là “một trong những bàn tay đầu tiên khơi dòng văn học hiện thực phê phán” (Tầm Dương, 1964: 302). Ông cũng đánh giá cao thơ Tản Đà. Trong Tản Đà khối mâu thuẫn lớn, Tầm Dương cũng cho rằng sự “lao tâm khổ tứ của Tản Đà để viết nên những lời thơ trôi chảy tự nhiên” “có thể giúp thêm kinh nghiệm cho những người sáng tác nói chung, đặc biệt cho những ai mới bước chân vào nghề”. (Tầm Dương, 1964: 276)

Theo chúng tôi, đóng góp nhiều hơn cả của Tản Đà trong văn xuôi chính là các quan điểm lớn đã được thể hiện trong các tác phẩm. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích kĩ các quan điểm lớn trong văn xuôi Tản Đà để thấy được sự đóng góp đó.

1. Quan điểm về văn chương trong văn xuôi Tản Đà
Tản Đà là một trong số ít những nhà văn buổi giao thời đưa ra quan điểm của mình về văn chương. Khác với những nhà Nho trước ông, những tuyên bố về văn chương của họ thường gắn với việc thể hiện tư tưởng về văn chương, dùng văn chương trong đời như thế nào cho xứng với đạo làm người, với người quân tử. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, Tản Đà đã nhiều lần đề cập đến quan niệm văn chương là gì, văn chương cần gì, người viết văn cần làm gì và người đọc như thế nào, nghĩa là đã bàn nhiều hơn, kĩ hơn về bản chất của văn chương với giá trị nội hàm của nó hơn là sự tác động của nó đến cuộc đời. Những quan điểm ấy không phải chỉ là một ý trong một bài viết hay một bài thơ, tiểu thuyết mà được viết thành những bài luận đầy đủ hoàn chỉnh như bài Văn chương trong quyển Khôì tình, các bài viết trên Đông Pháp thời báo, An Nam tạp chí như Người xem văn, Người làm văn, Văn hay, Sự nghiệp văn chương... Điều đó cho thấy Tản Đà rất nghiêm túc khi bàn luận về công việc sáng tác văn học. Ông không chỉ là một người cầm bút bình thường mà còn hướng tới con đường làm một nhà tư tưởng, nhà luận thuyết trong văn chương.

Trước hết, như ở phần trên chúng tôi đã đề cập, Tản Đà xác định việc viết văn của mình giờ đã là một nghề độc lập, không nguyên hợp trong các định danh nghề nghiệp khác; tác phẩm văn học lúc này là một hàng hoá được bày bán trên thị trường, là của riêng nhà văn dùng để trao đổi như hàng hóa. Ông xác định số kiếp của mình là “bán văn buôn chữ kiếp nào thôi” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 70). Công việc sáng tác giờ đây không chỉ để thỏa chí thú truyền tải đạo lý của người trí thức, không phải chỉ để giải bày tâm sự như một cách để giải toả tâm lý nữa mà đã trở thành một nghề, con người có thể dựa vào nó mà tính kế sinh nhai. Nhưng trên thực tế, viết văn liệu có thực sự là sự nghiệp lớn nhất mà Tản Đà hướng tới trong cuộc đời mình? Ông từng bày tỏ quan điểm về sự nghiệp văn chương như sau:

“Người ta thường có nói: “sự nghiệp văn chương”, bốn chữ đó tựa như có hai ý nghĩa: một là sự nghiệp và văn chương, hai là lấy văn chương làm sự nghiệp. Theo như ý nghĩa trước thời văn chương chỉ là một món chơi như chơi đàn chơi kiếm mà sự nghiệp của đại trượng phu, chân nam tử không ở văn chương. Theo như ý nghĩa sau thời sự nghiệp của các người học giả văn nhân toàn tại văn chương, ngoài văn chương không có sự nghiệp” (Nguyễn Khắc Xương,

2002: 286).

Tản Đà không ép buộc mọi người vào suy nghĩ của mình. Ông đưa ra hai sự lựa chọn về sự nghiệp và văn chương rồi đặt câu hỏi “Hai ý nghĩa như thế, các bạn làng văn chúng ta nên nghĩ sao?” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 286). Ông phân tích cặn kẽ những cái được của văn chương với người viết và với người đọc rồi kết luận rằng “... có lẽ nên tách sự nghiệp với văn chương ra làm hai. Văn chương chỉ cứ là văn chương, nhất là có ích cho xã hội thời càn hay, dầu không có ích gì cho ai thời cũng như thanh kiếm cung đàn, gỏi tâm sự với một vài tri kỷ. Còn như ai muốn có sự nghiệp thời nên làm riêng cái sự nghiệp vĩ đại khác, không nên cầu sự nghiệp ở văn chương.” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 286). Lý do có quan điểm này là bởi Tản Đà thấy rằng lập thân bằng văn chương là một việc làm thực rất “nhỏ nhoi”, chỉ nên coi văn chương như một cách chơi, một nhả thú. Điều này không mới bởi câu thơ lập thân tôi hạ thị văn chương của Viên Mai đã được giới Nho sĩ biết đến và so với lập công, lập đức thì lập thuyết, lập ngôn (làm văn chương) chiếm vị trí thấp nhất. Chỉ có điều là ông hiểu điều ấy, đồng tình với tư tưởng ấy nhưng lại chọn con đường văn chương làm sự nghiệp cho mình, lúc nghiêm túc, lúc đùa vui (nhưng tất nhiên về cơ bản, ông vẫn hoạt động văn chương nghiêm túc). Có lẽ, ông nhận thấy trong suốt những năm tháng theo đuổi con đường này, mặc dù có những niềm vui nhưng ông đã chịu đựng cả những vất vả, khó khăn. Cái làm nên sự nghiệp đối với ông chỉ có thể là sự nghiệp làm báo. Mặc dù trong làm báo có viết văn nhưng việc viết văn vẫn cứ là việc nhỏ. Còn làm báo mới nên sự nghiệp lớn.

Dù coi văn chương là một nhả thú, không phải một sự nghiệp lớn lao song ông vẫn cho rằng văn chương luôn có ích.

“Văn chương, nghĩ như một vật chơi, người đời không cần dùng, nhưng từ xưa đến nay, có ích cho đời thực đã nhiều, hoặc một người, hoặc một nhà, hoặc một châu, một nước, công dụng kỳ lạ, không nhất định như các vật khác, kẻ cũng nên cho là một thứ quý trong thế gian” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 186).

Chính ông là người đã chia văn thành “văn chơi” và “văn vị đời”. Ở đây chưa bàn đến chuyện đúng sai trong quan điểm của Tản Đà từ góc nhìn ngày nay mà là bàn tới chuyện ông đã nghĩ về điều đó và hành xử với điều đó thế nào trong cuộc đời cầm bút của mình. Thơ ca với Tản Đà chính là văn chơi còn văn xuôi mới đích thực là văn vị đời. Dựa vào điều đó, chúng ta luận đoán rằng có lẽ khi nói đến sự nghiệp văn chương, ông thiên về nói đến sự nghiệp sáng tác thơ ca nhiều hơn. Còn việc sáng tác văn xuôi, thứ “văn vị

đời” là một sự nghiệp của nhà tư tưởng, nhà luận thuyết. Đây là một sự mâu thuẫn dễ hiểu. Tản Đà vẫn giữ trong mình gốc Nho học. Nhà Nho ngày xưa coi trọng thơ hơn văn xuôi, đề cao thơ hơn văn dù gộp cả văn thơ vào làm một. Vì cho rằng hay thơ mới là hay chữ, thơ mới là một trong bốn thú chơi tao nhã, chứng tỏ cái hơn người của người quân tử, của các đẳng bậc. Nhà Nho nhiều khi làm thơ để thoả mãn thế giới tinh thần cá nhân nhiều hơn là để giáo huấn bên cạnh điều họ không bao giờ quên là thi dĩ ngôn chí. Bởi con người, về bản chất, không phải là nhất nguyên. Và với văn hóa, con người vừa là sản phẩm của quá trình ấy, vừa là tác nhân tạo ra quá trình ấy. Bản thân văn hóa cũng không bao giờ là nhất nguyên. Tản Đà là thí dụ điển hình cho tính đa nguyên của con người, văn hóa, quan niệm, hành động, đặc biệt ở cái thời buổi giao thời “gió Âu, mưa Á”, đan xen cũ mới, truyền thống và hiện đại. Vì thế thơ ca với ông chỉ là một cuộc chơi nên ông có sự đối lập giữa thơ ca trữ tình và văn xuôi. Ông đề cao tính tư tưởng, giáo huấn trong văn vị đời. Văn chương phải mang theo đạo lý chứ không thể chỉ là một thứ văn chơi. Như vậy, mặc dù đã xác định nghề văn tách riêng song Tản Đà vẫn không thoát khỏi quan niệm Nho gia về chức năng của văn học. Ở thời kỳ ông cầm bút, quan niệm này hết sức lạ bởi Nho sỹ, vốn quá quen với tư tưởng đã trở thành tín điều trung thần bất sự nhị quân, sự lựa chọn thái độ, lối sống, quan niệm... nghĩa là cả chung và riêng thường rất nguyên tắc, nhiều khi trở nên cực đoan vì với họ đó là danh dự, lễ sống. Thế mà Tản Đà dám chấp nhận lối sống đa nhân cách, quan niệm thỏa hiệp, dung hòa nhiều nguồn mạch để được là mình, như mình quan niệm để sống và viết. Đây là một hiện tượng độc đáo. Với trường hợp Tản Đà, nhận định câu văn chính là đời là hết sức phù hợp, chính xác. Điều này để lại dấu ấn rất rõ trong toàn bộ trước tác của ông.

Tản Đà có sự phân biệt khi định nghĩa sự nghiệp văn chương và văn. Sự nghiệp văn chương đối với ông rất nhỏ bé và không đáng để người nam nhi lập nghiệp nhưng “văn” và người làm văn nói chung thì lại là một nghĩa rộng đáng để bàn luận. Ông chia người làm văn thành ba hạng. Một là những người có thời gian nhàn rỗi thì viết văn chơi như những ông giáo, viên chức, đặt sỹ, văn hào nữ giới. Đó là những người ngẫu nhiên có cảm xúc mà làm ra văn chương. Đây chính là một dạng văn thuộc văn chơi. Tản Đà từng là người ở nhóm này, viết nhiều văn chơi thậm chí có nhiều văn bản chưa từng được in. Hai là những người làm văn in ra thành cuốn, hoặc luận thuyết, tiểu thuyết, thơ ca. Những người này viết văn “trước là muốn dự một phần chiêu trong làng văn, sau nữa cũng có tính về phần lời lỗ” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 275). Tản Đà cũng đã nằm trong nhóm này. Nhóm này kiếm sống bằng nghề văn nên luôn lo lắng cho công việc văn chương của mình.

Thật ra, Tản Đà chưa bao giờ giàu có nhờ công việc văn chương. Ông luôn luẩn quẩn trong sự nghèo khó, luôn bị sự nợ nần đeo đuổi. Nhưng điều quan trọng nhất ở ông là ông theo đuổi những đam mê văn chương và những lạc thú ở đời một cách rất tài tử, nghệ sỹ. Bỏ qua nghèo túng, bỏ qua những khen chê người đời quanh chuyện này, ông quan tâm và dành nhiều sức lực, tâm huyết cho những đam mê của ông. Nghiên cứu về cuộc đời Tản Đà, chúng tôi thấy, không ít lần ông bị chủ nợ hối thúc trả nợ rồi có khi không có tiền phải chuyển đi thậm chí căng thẳng hơn là bị đuổi khỏi nhà thuê. Tản Đà luôn nhận thấy viết văn đơn thuần không đủ để trang trải, cũng không đủ để làm nên một sự nghiệp hiên hách nên ông luôn đau đầu với nghề báo. Đây chính là hạng người làm văn thứ ba mà ông nhắc đến, là “các người làm văn trong báo giới, ăn lương của toàn báo mà viết”. Tản Đà tự xác định mình là người làm văn trong báo giới mặc dù khi nghiên cứu cuộc đời ông, chúng tôi nhận thấy ông đã trải qua cả ba nhóm này. Ông khẳng định “làm văn trong báo giới ta, so với hai hạng người đã nói trên ở trong làng văn thời chúng ta kém về thanh cao, nhưng cũng hơn bề trách nhiệm” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 276). Tất nhiên nếu chỉ là một người viết báo thuê thì khó có thể làm nên công trạng lớn mà phải làm chủ báo. Do đó, dù rất vất vả, Tản Đà vẫn kiên quyết theo đuổi tờ báo của riêng mình. Với ông, viết văn mà gắn với báo chí hay nói rộng hơn là sự nghiệp làm báo quả thực là cao quý với sứ mệnh lớn. Người có tư tưởng cải cách, dù chỉ là cải cách văn chương, chưa nói đến những tư tưởng cải cách có ảnh hưởng lớn đến xã hội, phải là người nắm trong tay công cụ tuyên truyền tư tưởng. Nhìn rộng hơn chuyện của Tản Đà sẽ thấy rất rõ điều này ở Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và nhóm Tự lực văn đoàn, những người trong nhóm Hàn Thuyên, Tri Tân sau này... hay ở các tờ báo và nhà xuất bản có hoạt động mang tính chất này. Điều đó cũng dễ hiểu bởi muốn làm gì cũng phải có thực lực, phải biết tập hợp lực lượng và tờ báo là cơ quan để tập hợp những người có chung chí hướng nhất. Người làm báo mới đủ khả năng để viết những điều có ảnh hưởng đến cuộc sống, đến con người.

Nói cách khác, vào thời đó, văn muốn có ích phải gắn với báo chí vì báo chí là phương tiện đến với công chúng nhanh nhất, dễ nhất. Nếu không đi với báo chí thì văn chương e rằng chỉ là thú chơi tao nhã chứ khó có thể làm nên công trạng lớn ở đời. Mặt khác, đây cũng còn là sự ảnh hưởng của Nho giáo khi Tản Đà đặt văn nguyên hợp với báo chí và cho rằng chỉ có thể thì văn chương mới có ích, mới giúp sức được cho việc thiên lương ở đời. Ngay trong việc này, Tản Đà đã cho thấy sự chuyển mình chưa hoàn toàn. Một mặt ông xác định tồn tại một nghề văn khác với thời Trung đại song ông vẫn không thoát được quan niệm cũ rằng nếu chỉ viết văn không thì đó là thứ văn chơi,

không làm nên được công trạng gì lớn lao mà phải gắn với một công việc khác. Nếu trong xã hội Trung đại, người làm văn đi liền với kẻ sĩ, người làm quan, ông vua thì nay là với nhà báo. Viết văn dù đã là một nghề nhưng trong mắt Tân Đà vẫn chỉ là một công việc đem lại thú vui chứ không làm nên công trạng lớn. Tân Đà đã chuyển biến trong tư duy nhưng chỉ chuyển biến một phần.

Không chỉ đưa ra định nghĩa về người làm văn, Tân Đà còn bày tỏ quan điểm về việc văn chương nên thế nào. Với ông văn chương phải hay. Nhưng thế nào là hay? Văn hay thì có nhiều về:

“Trong văn chương có nhiều tính chất: đạo đức, tranh luận, trang nghiêm, trầm mặc, thanh cao, u nhã, hùng tráng, khích liệt, cổ quái, khắc khổ, độc ác, thâm khắc, phóng đảng, kỳ dật, hoa mỹ, lãng lợ, khôi hài, xỏ xiên, trẻ con... các tính chất đó hiện ra ở văn, thành ra nhiều vẻ, cho nên văn hay có nhiều vẻ là thế” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 281). Cái hay mà Tân Đà muốn nhắc đến chính là sự đặc sắc trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật và quan trọng là phải có nội dung có ích chứ không nên chỉ là một thứ đồ đẹp ở mã bề ngoài bởi vì câu văn hay rất có lực nên văn chương sẽ ảnh hưởng đến con người, đến xã hội. Chính vì thế, ông cho rằng “về sự viết văn, chúng ta nên tế tâm, mà về cách lập thân chúng ta lại càng nên phải tri thủ” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 278) và rằng “tế tâm về sự viết văn mà lại cần phải tri thủ về bên hạnh kiểm” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 278).

Tân Đà cũng đưa ra quan điểm của bản thân về người xem văn, tức là độc giả. Ông khẳng định giữa nhà văn và độc giả có mối quan hệ rất mật thiết. Tác phẩm viết ra phải có người đọc và do có người đọc nên mới có tác phẩm. Nói cách khác, Tân Đà nhận ra tầm quan trọng của độc giả đối với công việc sáng tác của nhà văn. Đây là sự tiến bộ trong nhận thức của ông so với quan điểm của nhà nho truyền thống. Nhà nho Trung đại không mấy khi quan tâm đến người tiếp nhận bởi nhu cầu của họ không phải là “bán văn buôn chữ” mà đơn thuần là bày tỏ cảm xúc cá nhân, tư tưởng của bản thân. Tân Đà thừa nhận rằng “làm văn khó, xem văn cũng không dễ” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 272). Theo ông, “người xem văn cần phải có con mắt quan sát rất tinh mới có thể thấy được cái khéo của người vẽ”² (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 272). Ông cho rằng người xem văn đương thời có phần hơi dễ dãi trong tiếp nhận. Chính sự dễ dãi của độc giả khiến cho nhiều nhà văn phải chiều theo họ là làm ra những tác phẩm ít có chiều sâu. Do đó “quốc văn mà ít có văn hay, chưa hẳn là những người làm văn không có tài mà có lẽ là tại phần người xem văn khiến cho ra như thế” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 273). Tân Đà đã nhận ra được sự “khô khan” của thị trường văn học hiện đại và cái khó của người làm văn trong thời buổi

này. Từ đó, ông mong muốn người xem văn “nên phải có một cái bụng rất công bằng” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 273) để có thể có cái nhìn khách quan về một tác phẩm văn học, để không đánh giá nhầm những tác phẩm thực sự có giá trị.

Có thể nói, Tân Đà chính là một trong số những người sớm nhất trong văn học Việt Nam hiện đại nói đến phạm trù độc giả, đến mối quan hệ giữa nhà văn và độc giả, tính chất của người đọc và sự cần có của họ khi tiếp nhận văn chương. Chưa đạt đến độ kỹ lưỡng, hệ thống và dựa trên những cơ sở lý thuyết về mối quan hệ này nhưng Tân Đà là người đầu tiên trong số những người đi đầu ở Việt Nam đã nói đến mối quan hệ qua lại, có thể tác động lẫn nhau giữa người cầm bút, tác phẩm và người đọc. Ông nói từ khía cạnh thị trường tiêu dùng, tới hiệu quả tác động của văn chương đến người đọc và người viết. Ở đây, Tân Đà đã chạm đến vấn đề chân trời tiếp nhận của người đọc. Tất nhiên ở thời điểm đó, ông chưa thể nào khái quát lên mức lý thuyết lý luận nhưng sự nhận thức này là rất mới so với một nhà nho. Tuy nhận ra đặc điểm của độc giả hiện đại và sự cần phải thay đổi của nhà văn nhưng sự biến chuyển của Tân Đà chưa thực sự là đầy đủ. Khi viết văn xuôi, ông vẫn thiên về viết cho mình nhiều hơn là quan tâm đến tầm đón đợi của độc giả hiện đại, điều mà ông đã nhận ra nhưng chưa lý giải được một cách khoa học. Những điều ông phát biểu chưa dựa trên những khảo sát và phân tích mang tính nghiên cứu mà phần lớn mới chỉ mang tính dự cảm. Mặc dù vậy, điều đó đã cho thấy sự cấp tiến của ông so với nhiều nhà nho cự học khác thậm chí là so với một số trí thức Tây học khác.

Trong quan niệm về văn chương của Tân Đà đã có những sắc thái mới mẻ như là việc xác định sự tồn tại của nghề “bán văn buôn chữ”, khẳng định mối quan hệ tương tác qua lại của người tiếp nhận và nhà văn, coi trọng sự đọc của độc giả đối với công việc văn chương song ở ông vẫn có quan điểm cũ của nhà nho truyền thống, điển hình là việc coi làm văn không thể làm nên công trạng lớn lao. Nếu muốn làm nên công trạng thì văn phải gắn với công việc làm báo. Người viết văn trong báo giới mới là người có đủ sức gánh những sứ mệnh lớn lao mà với ông, sứ mệnh quan trọng nhất là truyền bá “thiên lương”.

2. Quan điểm đạo đức trong văn xuôi Tân Đà

Như đã nói ở trên, Tân Đà là một nhà Nho từ gốc rễ. Nhưng chất Nho ở ông không nặng về lý thuyết, tư tưởng mà nó bộc lộ ra ở hành động nhập thế một cách vừa nghiêm túc, vừa tài tử. Cái nghiêm túc thời ông khác sự nghiêm túc của nhà Nho thời Trần, Lê, và sự tài tử của ông cũng không giống Nguyễn Công Trứ, Dương Khuê dù ông trước sau vẫn một mực muốn bảo tồn và phát huy Hán học trong nền giáo dục hiện đại. Ông quan niệm rằng “việc Âu học phải cần cấp

để tiến thủ về trí khôn, việc Hán học cũng phải chấn hưng là để duy trì về đức tính” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 191). Chính vì lẽ đó quan điểm đạo đức của ông chủ yếu ảnh hưởng từ Nho giáo. Trong các sáng tác của mình, Tân Đà đã thể hiện rõ nhiều quan điểm về đạo đức của thanh niên, đạo cha con và đặc biệt nhất là của người phụ nữ trong xã hội.

Ông bày tỏ sự lo lắng đối với thanh niên trong xã hội này “số người tuy thật nhiều, mà kể về phần những người có tài học chia đôi chưa hẳn có tới nửa” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 74). Vì thanh niên là tương lai của một đất nước nên Tân Đà lo lắng về thanh niên cũng chính là lo cho đất nước. Ông đặt trách nhiệm lớn lao lên vai của người trẻ rằng “tiền đồ của quốc dân, thế tất phải trông vào các bạn thanh niên” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 77). Cũng chỉ có thanh niên mới có thể chèo lái tương lai của dân tộc. Từ sự lo lắng ấy, ông đưa ra quan điểm của mình về việc một người thanh niên phải làm gì, phải như thế nào trong xã hội. Cũng trong Mỗi cảm tưởng đối cùng các bạn thanh niên trong xã hội, Tân Đà cho rằng:

“Tôi lại nghĩ như một người thanh niên nam tử trong xã hội, muốn cho được thành nên tài tử, có thụ dụng về tương lai, cần phải có ba cái điều lý không thể thiếu: một là cái tài về sự học; hai là cái cảnh được theo học; ba là cái quan niệm về đạo đức để lập thân” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 75).

Ông cho rằng trong xã hội này chữ tài với chữ đức cần nhau nhưng thường kỵ nhau. Tân Đà khẳng định rằng những người có tài thì thường đức kém và ngược lại. Quan điểm này của ông có phần cực đoan bởi trên thực tế, con người hoàn toàn có thể rèn luyện cả đức và tài. Ngay cả giáo dục nho gia cũng rèn luyện cho con người theo hướng đó. Ông đề cao đạo đức của người thanh niên. Ông hi vọng thanh niên sẽ tu dưỡng đạo đức tốt bởi nếu không thì tiền đồ nước Nam không biết sẽ phải dựa vào ai. Tân Đà đề cao vai trò của đạo đức thanh niên nói riêng và đạo đức con người nói chung trong quá trình phát triển đất nước. Con người không tu dưỡng đạo đức thì không có ích. Trong quan điểm của ông, nếu không có đạo đức thì đất nước ấy không thể bền vững được.

Bên cạnh việc quan tâm đến rèn luyện đạo đức của thanh niên, Tân Đà đặc biệt chú ý đến đạo đức của người phụ nữ hay nói cách khác là phẩm hạnh của họ. Tân Đà viết rất nhiều bài bàn luận về vấn đề này. Trong Đài gương kinh, một quyển sách có nội dung giáo huấn phụ nữ, Tân Đà đã chỉ rõ những điều mà phụ nữ nên và không nên từ khi còn là con gái trong gia đình đến khi lấy chồng và làm chủ gia đình. Ông nêu rõ “người con gái, công danh, sự nghiệp, không có mong được như con trai” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 336) nhưng về đạo đức, phẩm hạnh thì luôn

phải rèn luyện. Khi còn ở nhà với cha mẹ, người con gái phải hiếu thuận với cha mẹ, yêu thương anh chị em trong gia đình, đối xử tốt với chị dâu và có những tính hạnh phải gìn giữ như: ăn mặc giản dị không xa hoa, không nên làm đẹp ve vuốt (điều này cũng được ông nhắc đến trong Đọc bài “Tự di điền đàn” ở trong báo Trung Bắc ngỏ cùng ai các bạn thanh niên), ăn nói êm ái không nói điều điều ngoa dối trá, trong sự mua bán phải thật thà, giữ nền nếp gia đình, đi ra ngoài phải nghiêm trang, không cờ bạc và phải biết chọn bạn mà chơi. Ông cũng dặn người con gái phải luôn chăm chỉ việc nhà, nên có một công việc (chức nghiệp) nào đó để sau này không phải dựa dẫm vào người chồng. Những điều ông nói ở đây, thực chất chỉ là nói bằng ngôn ngữ hiện đại còn về bản chất nội dung thì đậm chất Nho giáo truyền thống. Mặc dù vậy, giữa những quan điểm về đức hạnh của người phụ nữ truyền thống thì quan điểm về chức nghiệp lại rất hiện đại. Đây là sự cải tiến của Tân Đà so với quan điểm nho giáo truyền thống. Ông cho rằng bên cạnh những đức tính như đã nói ở trên, phụ nữ không nên dựa dẫm vào người chồng cho dù nhà chồng có giàu sang đến đâu mà nên có một công việc nào đó để có thể sống tự lập và phòng những lúc chồng rơi vào cảnh cơ hàn thì vẫn có thể cáng đáng được gia đình. Khi lấy chồng, Tân Đà khuyên người phụ nữ tiếp tục giữ đức hiếu thuận nhưng là với bố mẹ chồng. Thậm chí, ông còn khuyên “bố mẹ chồng coi hơn bố mẹ ta đường lối cùng rất thuận” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 359). Vai trò của người chồng là không được để vợ thất hiếu, lúc đó chồng sẽ trở thành thất hiếu. Như vậy, người chồng trong gia đình sẽ giữ gìn kỉ cương và người vợ làm theo. Quan điểm này chính là từ Nho giáo mà thành. Trong mối quan hệ với chồng, Tân Đà cũng nêu ra những điều mà phụ nữ cần làm đó là: yêu thương chồng cho dù hoàn cảnh có khốn khó thế nào, khi chồng giận thì vợ phải làm lạnh, không ghen tuông vô lối, luôn phải kính chồng và đặc biệt phải giữ gìn trinh tiết. Sau này khi mang bầu, có con, người phụ nữ nên giữ gìn đi đứng ăn uống. Tân Đà đề cao sự quan trọng của người phụ nữ trong nuôi dạy con cái. Trong nuôi dạy con, người phụ nữ phải nghiêm khắc, không nên chiều chuộng quá mức. Con cái có ngoan ngoãn, hiếu thuận cũng là một công do người mẹ làm nên. Có lẽ vì thế mà ông đề cao sự tu dưỡng đạo đức phẩm hạnh của người mẹ trong cuộc sống. Bản thân người mẹ phải chuẩn mực mới dạy được con tốt. Những điều nhỏ nhất cũng sẽ ảnh hưởng đến con trẻ sau này. Việc xây dựng gia đình cho con cái cũng phải nên chu toàn. Người phụ nữ, trong con mắt của Tân Đà, gắn bó mật thiết với gia đình, với chồng con, với bếp núc, nhà cửa. Phụ nữ với ông có thể có chức nghiệp (công việc) để không phải phụ thuộc vào chồng và gia đình nhà chồng nhưng vẫn phải chu toàn công việc gia đình, toàn tâm toàn ý với nhà chồng, với chồng con. Họ phải hoàn thành nhiều trách nhiệm cùng một lúc mà trách nhiệm nào

cũng lớn và quan trọng. Tản Đà thiên về mong muốn phụ nữ cần nhẫn nhịn, giữ gìn trinh tiết, tuân thủ “tam tông tứ đức” là những quan điểm đã được đề cập trong giáo lý Nho gia. Mặc dù ông có nhắc đến việc “chữ trinh khi biến” nhưng tư tưởng của ông vẫn thiên về thủ tiết, giữ phẩm hạnh. Cho nên ông mới viết “chữ Trinh trong lúc thường, những người làm mất thực là kém; nhưng các người giữ được, cũng chỉ vào hạng đáng quý chuộng mà chưa lấy gì làm hơn ai. Ai hơn ai xem nhau ở lúc biến” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 168). Ông khuyên phụ nữ nên “gương mỗi tơ lòng, ngọc càng chuốt, gương càng trong, chữ đồng càng sáng!” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 168). Có lẽ vì vậy mà các nhân vật nữ trong tiểu thuyết của ông không có sự vượt quá giới hạn trong ứng xử và quan hệ với nhân vật nam. Các mối quan hệ ngoài vợ ngoài chồng cũng không xuất hiện trong truyện của Tản Đà. Các nhân vật nữ tài hoa trong mối quan hệ với nhân vật nam cũng chỉ dừng lại ở mức là những người tri âm. Họ có thể đàm đạo, trao đổi các vấn đề triết học, văn học, xã hội với nhau, thậm chí chờ đợi tin tức của nhau, mong chờ được gặp lại nhau nhưng không có điều gì đi quá giới hạn. Họ chỉ đơn thuần tôn trọng, ngưỡng mộ tài năng của nhau và mong được tiếp tục đàm luận các tư tưởng với nhau. Đây là điều khiến ông không bước sang ngưỡng cửa hiện đại trong văn xuôi như các tác giả Tự lực văn đoàn hay nhiều nhà văn hiện thực khác. Trong văn chương của họ, chấp nhận những trạng thái cảm xúc phóng khoáng của người phụ nữ, những quan hệ không giống với mô hình truyền thống. Tất nhiên, viết như vậy, không có nghĩa các nhà văn đó cổ vũ cho những mối quan hệ không chính thống mà bằng hình tượng nghệ thuật, họ nêu lên khát vọng tự do, phá bỏ những hủ tục lạc hậu và giải phóng tư tưởng, tinh thần con người, đặc biệt người phụ nữ. Tản Đà ngược lại, dường như muốn đặt người phụ nữ trong chính những yêu cầu, quy định tương đối khắt khe có sẵn và không còn phù hợp với đời sống mới.

Trong con mắt Tản Đà, người phụ nữ có mềm mỏng, khéo léo, chịu khó thì gia đình mới êm ấm thuận hoà. Phụ nữ không nên ghen tuông, cãi lại chồng mà nên dĩ hoà vi quý. Phụ nữ biết điều hoà thì mọi việc đều thuận lợi. Ông không khuyến khích phụ nữ đối lập với chồng hay nhà chồng mà cần phải lựa theo nhà chồng mà có cách ứng xử phù hợp. Chính vì thế mà ông và Phan Khôi mâu thuẫn. Trong khi Phan Khôi bài Tống nho vì cho rằng Tống nho là hủ hoá, bóp nghẹt quyền tự do của người phụ nữ và kiên quyết đòi quyền cho phụ nữ, đòi bình đẳng cho nữ giới thì Tản Đà lại một mực bảo tồn những quan điểm về phẩm hạnh của phụ nữ đã có trong giáo dục nhà Nho. Ông lên án kịch liệt suy nghĩ của Phan Khôi và muốn “cái nạn Phan Khôi” phải chấm dứt để giữ nền nếp gia phong của người Việt. Khi đọc bài Học sinh Việt Nam ở bên Pháp bàn về đàn bà Việt Nam ở Bắc Kỳ

của Trương Công Quyền, Tản Đà đã rất phản đối, đặc biệt khi bàn về vấn đề lấy chồng, làm dâu của phụ nữ. Trương Công Quyền cho rằng “làm lộn ngược hết phong tục đi mới là phải” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 100). Chúng ta hiểu rằng, ý của Trương Công Quyền cũng là muốn nâng cao nữ quyền, mong muốn phụ nữ được cởi những ràng buộc rất khắt khe trước đây. Tuy nhiên, cách lập luận của Trương Công Quyền có phần hơi quá và cực đoan nên Tản Đà có đủ lý lẽ để phản bác. Ông cho rằng phong tục thì có nhiều nhưng không phải cái nào cũng xấu. Cái nào xấu, không phù hợp thì ta sửa còn phẩm những nội dung có ích thì nên bảo tồn. Tản Đà thấy suy nghĩ ấy quả thực nguy hiểm và khẳng định:

“Một người đàn bà, không cứ là đàn bà nước Nam, nhưng hãy nói người đàn bà nước Nam, nếu không có đạo chồng con thời duy có “làm dĩ”; không có đạo “dâu con” thời duy có lấy người chồng nào không có bố mẹ” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 100). Rồi ông kết luận: “Nếu muốn cho hết thầy đàn bà Việt Nam như thế chẳng, thời con cháu Tiên Rồng chưa đến vô phúc như thế vậy” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 100).

Tản Đà luôn tin ở những giá trị đạo đức đã được gìn giữ từ rất lâu một phần bởi ông được giáo dục trong gia đình nho gia, một phần, theo chúng tôi cũng bởi ông có những bi kịch bị tạo ra do những ứng xử của người mẹ đẻ.

Vì Tản Đà luôn một lòng bảo tồn những quan niệm về đạo đức của nhà nho đối với phụ nữ nên ông rất không bằng lòng với sự lên cao của nữ quyền. Thậm chí, Tản Đà còn dùng giọng điệu giễu nhại khi nói đến nữ quyền. Trong bài Một vấn đề nữ quyền đăng trên An Nam tạp chí số 15 năm 1931, ông nhận thấy rằng, trong tiếng Việt, từ “cụ” được dùng khá phổ biến để gọi đàn ông kể cả những người chưa vợ con cũng có thể được gọi là “cụ lớn” và phát biểu rằng: “Vậy mà bên đàn bà, con gái thời dù sang trọng thế nào mặc lòng, nếu mà chưa có chồng, không ai gọi bằng bà; chưa có con, ít ai gọi bằng cụ” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 551). Sau đó ông dùng giọng điệu có phần châm biếm để nói rằng: “Nay các chị em bạn gái muốn tranh nữ quyền, tôi tưởng nên tranh cái danh hiệu ấy trước nhất... Bên đàn ông, con trai, đã được gọi bằng Cụ như thế; thời đàn bà con gái, cũng không cứ là bao nhiêu tuổi, không cứ là có chồng hay chưa, phàm là người sang trọng, dẫu mười chín, hai mươi tuổi mà chưa có chồng con, cũng nhất thiết gọi là “Cụ”” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 551). Thái độ của Tản Đà với nữ quyền là rất rõ ràng, từ phản đối đến mỉa mai, giễu nhại. Tất nhiên, khi hiểu được về thân thế, hành trạng của ông thì người đọc sẽ hiểu được rõ hơn tâm lý, thái độ nêu trên của Tản Đà để có sự thấu hiểu. Ngay ở đây, chúng ta lại thấy sự tồn tại của những mâu thuẫn trong tư tưởng của Tản Đà. Một

mặt, ông bảo thủ, cười nhạo nữ quyền, muốn người phụ nữ trở về với những nguyên tắc ứng xử truyền thống cũ mòn nhưng mặt khác, có lúc ông cũng bị thuyết phục, hấp dẫn bởi những người con gái tài hoa, tự do như Vân Anh, Chu Kiều Oanh. Sự mâu thuẫn ở đây sinh ra là bởi Tản Đà bị giằng xé giữa truyền thống và hiện đại. Ông tôn thờ nho giáo truyền thống và muốn gìn giữ nó song đồng thời vẫn bị những tư tưởng hiện đại hấp dẫn. Tản Đà vẫn đứng ở thế giữa của hai bên cũ và mới nên bị ảnh hưởng của cả hai hệ giá trị đó. Tất nhiên, chúng tôi không loại trừ nguyên nhân do tính cách tài tử của Tản Đà mà ông vẫn có sự ưu ái với sự tài hoa của người con gái đẹp. Sự thể hiện của ông trên trang viết có những điều tưởng chừng như mâu thuẫn song khi giải thích trên những trục tư tưởng thì nó lại trở nên rất thống nhất.

3. Kết luận

Số lượng sáng tác văn xuôi Tản Đà để lại tương đối lớn trong đó nhiều nhất là các bài luận thuyết sau đó đến tiểu thuyết. Việc ông thử sức mình ở địa hạt này chính là một trong số những bước thay đổi quan trọng, đánh dấu sự thay đổi của một nhà nho cầm bút trong thời đại mới.

Những sáng tạo của Tản Đà ở địa hạt văn xuôi góp phần tạo ra bước đệm cho văn chương lãng mạn sau này mà một trong số những người cầm bút hậu thế đã chịu sự ảnh hưởng mà hơn cả có lẽ chính là Nguyễn Tuân. Tuy vậy, trong quá trình ấy, Tản Đà vẫn bị “mắc kẹt” với sợi dây ràng buộc của ngày cũ. Ông vẫn không thể thoát khỏi tư duy nhà nho. Tiểu thuyết, văn luận thuyết của ông đậm đà âm hưởng của Nho giáo. Các lập luận của ông về đạo đức, về con người và xã hội đa phần đều lấy từ các quan niệm trong Nho giáo chứ chưa thực sự là đổi mới.

Tất cả những vấn đề cốt lõi trong tư duy, tư tưởng và thế giới quan của Tản Đà được biểu hiện rất rõ trong tác phẩm của ông. Có những nội dung là do sự cân nhắc của nhà văn và cũng có những nội dung vô tình được hiện lên trong đó nhưng tựu trung thì văn chương ông vẫn thể hiện một con người nho gia chưa chuyển mình hoàn toàn. Mặc dù ông là một trong số những người tiên phong viết văn bằng chữ quốc ngữ, và viết rất xuất sắc, sẵn sàng nhập cuộc nhưng chính tư duy của một nhà nho truyền thống lại kiểm soát, hạn chế sự sáng tạo của ông.

CHÚ THÍCH

¹8 hiện tượng đó là 8 tác giả mà Xuân Diệu đã phân tích trong quyển này bao gồm: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu, Đào Tấn.

²Tức là người làm văn. Trước đó, Tản Đà ví các bài văn hay như “bức tranh vẽ người mỹ nhân đứng úp mặt vào tường” (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 272)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Tầm Dương (1964)**, *Tản Đà khối mâu thuẫn lớn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. **Nguyễn Đình Chú (2012)**, *Nguyễn Đình Chú tuyển tập*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. **Xuân Diệu (1998)**, *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu, Đào Tấn, Tản Đà – Nguyễn Khắc Hiếu, Á Nam – Trần Tuấn Khải*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. **Nguyễn Khắc Xương (Sưu tầm và biên soạn) (1997)**, *Tản Đà trong lòng thời đại: hồi ức – bình luận – tư liệu*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
5. **Nguyễn Khắc Xương (Biên soạn) (2002)**, *Tản Đà toàn tập (5 tập)*, Nxb Văn học, Hà Nội.